

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-ST

Ngày 06 – 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Minh Hg, sinh năm 1981 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp NC, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh M (đã chết) và bà Nguyễn Thị P (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 16/01/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”, đã chấp hành xong; ngày 22/12/2005, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 12 tháng với hành vi “Gây rối trật tự công cộng, đã chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/8/2024 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Chị Trần Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Trần Thị N, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau là người giám hộ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Trần Hoàng Hảo, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2024, Trần Minh H với Trần Thị T bắt đầu quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng. Thời gian này cả hai sống lang thang ở khu vực thành phố Cà Mau. Ngày 05/8/2024, H và T đến nhà cô ruột của H là bà Trần Ngọc C ở ấp Cái Ngay, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi xin ở nhờ, nhưng bà C từ chối, nên cả hai đến căn nhà hoang của ông T1 Xe gần đó để ở.

Khoảng 10 giờ ngày 08/8/2024, H dẫn T đến nhà ông Nguyễn Văn T2 chơi. Khi đến nơi, H giới thiệu T là vợ của H, rồi cả hai tham gia nhậu với ông T2 và ông Trần Văn C1. Trong lúc nhậu, T ngồi cạnh ông T2, định bắt tay với ông T2 nhưng H không cho, ông T2 nói “không cho thì thôi” nên H dùng tay phải đánh 02 cái trúng vào bả vai trái của T và kêu T ra về. Trên đường về, H hỏi T có tình ý với ông T2 không thì T trả lời có. Khi về tới căn nhà hoang, H đứng đối diện dùng tay phải đánh 02 cái vào hai bên mắt, đánh mạnh 01 cái vào vùng bụng và đánh 01 cái vào vai bên trái của T. Lúc này, T dùng tay ôm và cắn vào vùng giữa nách bên phải của H nên H tiếp tục đánh 01 cái vào lưng của T và đánh 01 cái vào phía sau đầu của T. Do bị đau nên T buông ra khóc, than đau bụng nên H không đánh nữa, rồi cả hai ôm nhau ngủ. Sáng ngày 09/8/2024, T vẫn còn than đau nên H dẫn T đến nhà bà C ăn cơm nhưng T chỉ ăn được một ít. H mượn bà C 100.000 đồng rồi bắt xe khách cho T về nhà tại ấp Tân Khánh, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi. Khi về đến nhà, bà N là mẹ của T phát hiện T bị thương tích nên trình báo Công an xã Tân Duyệt, đồng thời đưa T đi điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 213/KLTTCT-TTPY ngày 16/8/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Cà Mau đối với Trần Thị T, kết luận: Bầm quanh hai mắt và sung huyết kết, giác mạc hai mắt kích thước 13cm x 08cm, than đau hai mắt, nhìn mờ. Đề nghị giám định bổ sung sau khi xuất viện hai tuần; 01 mảng bầm cằm trái kích thước 03cm x 2,5cm. Không xếp tỷ lệ %. Do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; 01 mảng bầm ngực phải, trái kích thước 17cm x 06cm. Không xếp tỷ lệ %. Do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; 01 mảng bầm 1/3 giữa mặt trước cẳng tay phải kích thước 9,5cm x 03cm. Không xếp tỷ lệ %. Do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; 01 mảng bầm từ 1/3 trên đến 1/3 dưới mặt trước ngoài cánh tay trái kích thước 22cm x 07cm. Không xếp tỷ lệ %. Do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; 01 mảng bầm lưng phải và trái tổng kích thước 14cm x 09cm. Không xếp tỷ lệ %. Do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; 02 vết bầm vùng bả vai trái kích thước 03cm x 1,5cm và 03cm x 1,3cm (hình dạng dấu răng). Không xếp tỷ lệ %. Do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; 01 vết phẫu thuật đường trắng giữa từ thượng vị đến dưới rốn kích thước 20cm x 0,1cm: 02%; 01 vết dẫn lưu bụng phải kích thước 1,5cm x 01cm: 02%; 02 vết dẫn lưu hạ sườn trái kích thước 1,5cm x 01cm: 02% và 1,5cm x 01cm: 02%; vỡ thân tụy độ IV đã phẫu thuật cắt đuôi tụy: 41%. Do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; phẫu thuật cắt lách: 31%; tràn dịch màng phổi hai bên. Đề nghị giám định bổ

sung sau khi xuất viện hai tuần. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Thị T tại thời điểm giám định là 62%.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 227/KLTTCT-TTPY ngày 13/9/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Cà Mau đối với Trần Thị T, kết luận: Mắt phải, trái không xác định được thị lực/ chấn thương đụng dập nhãn cầu, không có cơ sở để xếp tỷ lệ %; tràn dịch màng phổi hai bên hiện tại đã ổn định và không xác định được nguyên nhân, không có cơ sở để xếp tỷ lệ %. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Thị T tại thời điểm giám định là 00%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 213/KLTTCT-TTPY ngày 16/8/2024 và bản kết luận giám định bổ sung pháp y là 62%.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 434/2024/KLGĐ ngày 28/10/2024 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ thuộc Bộ Y tế đối với Trần Thị T, kết luận: Trước, trong và sau khi bị đánh ngày 08/8/2024 và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD10) + Động kinh (G40 – ICD10); tại thời điểm bị đánh ngày 08/8/2024 và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nhẹ.

Từ những tình tiết nêu trên, tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố bị cáo Trần Minh H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; về trách nhiệm dân sự: Áp dụng vào Điều 590 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường chi phí điều trị 3.322.875đ, chi phí ăn, uống 12 ngày là 2.400.000đ, tổn thất tinh thần 70.200.000đ, tiền mất thu nhập 60 ngày với số tiền theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thống nhất các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng mà Kiểm sát viên trình bày, yêu cầu xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo bồi thường số tiền 93.922.875đ.

Bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo không có tiền bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Bị hại T, bà N thống nhất ý kiến của người bảo vệ.

Lời nói sau cùng: Bị cáo H yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Minh H thừa nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi truy tố, cụ thể: Khoảng 10 giờ ngày 08/8/2024, tại căn nhà hoang của ông T1 Xe thuộc ấp Cái Ngay, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, do ghen tuông, nghi ngờ Trần Thị T với ông Nguyễn Văn T2 có tình cảm với nhau nên Trần Minh H có hành vi dùng tay tác động vào vùng vai, mắt, bụng, lưng và đầu của chị Trần Thị T gây thương tích với tỷ lệ 62%.

Như vậy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả giám định và cũng phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra. Từ đó khẳng định việc bị cáo có hành vi dùng tay tác động vào vùng vai, mắt, bụng, lưng và đầu để gây tổn hại sức khỏe của chị T là cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Thấy rằng: Do ghen tuông, nghi ngờ chị T có tình cảm với ông T2 trong lúc nhậu. Trong khi, bị cáo không tinh táo để tìm hiểu nguyên nhân, đánh giá lại sự việc, mà vô duyên, vô cớ tác động đến cơ thể của chị T là có tính chất côn đồ quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất và mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bởi lẽ, trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích là trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, là vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, nhưng với bản tính hung hăng, xem thường và bất chấp pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã làm xấu tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết như: Bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị 3.322.875đ, chi phí ăn, uống 12 ngày là 2.400.000đ, tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh trong 60 ngày là 18.000.000đ, tổn thất tinh thần bằng 30 tháng lương cơ sở là 70.200.000đ, tổng cộng 93.922.875đ. Xét thấy: Đối với khoản tiền chi phí điều trị, tiền ăn, uống là khoản tiền thực tế có xảy ra nên được chấp nhận. Đối với thời gian điều trị và tái

khám bị hại yêu cầu là chưa phù hợp. Theo toa, vé thể hiện thời gian điều trị bệnh và tái khám là 12 ngày. Đồng thời, mức tiền 300.000đ mà bị hại yêu cầu bồi thường cho người nuôi bệnh là cao so với mức bình quân lao động nữ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền 250.000đ x 12 ngày = 3.000.000đ. Đối với yêu cầu tổn thất tinh thần với 30 tháng lương cơ sở là cao so với thiệt hại thực tế, do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận bằng mức 20 tháng lương cơ sở (2.340.000đ x 20 tháng = 46.800.000đ).

Như vậy, tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là: 46.800.000đ + 2.400.000đ + 3.322.875đ + 3.000.000đ = 55.522.875đ.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và án phí là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị về trách nhiệm dân sự chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có xem xét đầy đủ hành vi, tính chất, mức độ, hậu quả, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi và người bảo vệ của bị hại để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Đó là, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để có thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[8] Về án phí hình sự và án phí dân sự: Bị cáo H phải chịu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 17/8/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 590 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trần Minh H phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 55.522.875 đồng (năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí hình sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Minh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

5. Về án phí dân sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.776.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đầm Dơi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

